TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2020/DS-PT
Ngày: 28 - 4 - 2020
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Hữu Nhân
Các Thẩm phán: Ông Đặng Ngọc Bình
Ông Nguyễn Văn Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Mai - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng: Bà Võ Thị Kim Anh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 28 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng; xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 92/2019/TLPT-DS ngày 19 tháng 7 năm 2019 về việc *"Tranh chấp quyền sử dụng đất"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2019/DS-ST ngày 31/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện Lbị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 94/2020/QĐ-PT ngày 10/4/2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Bùi Xuân H, sinh năm: 1955; bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1957; địa chỉ: Thôn L, xã Đ, huyện L, tỉnh L. Ông Hcó mặt; bà Tvắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông H, bà T:

Ông Đào Tuấn L, sinh năm: 1962; địa chỉ: Thôn P, xã P, huyện L, tỉnh L. Có mặt.

Văn bản ủy quyền ngày 25/8/2017.

- *Bị đơn:* Ông Trần Văn H, sinh năm: 1962; bà Trương Thị H, sinh năm: 1966; địa chỉ: Thôn L, xã Đ, huyện L, tỉnh L. Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông H, bà H:

Bà Phạm Thị D, sinh năm: 1963; địa chỉ: 789 H, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh L. Có mặt.

Văn bản ủy quyền ngày 22/8/2019

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Ông Nguyễn Thanh B, sinh năm: 1956; bà Phan Thị Kim T, sinh năm: 1965; địa chỉ: Thôn L, xã Đ, huyện L, tỉnh L. Vắng mặt.

- *Người kháng cáo*: Ông Trần Văn H, bà Trương Thị H – Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm,

Tại đơn khởi kiện ngày 21/6/2016 và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn ông Bùi Xuân H, bà Nguyễn Thị T trình bày:

Cuối năm 2008, ông bà có nhận chuyển nhượng diện tích đất 1.060m^2 thuộc thửa đất số 285, tờ bản đồ số 350b (05), tọa lạc tại thôn R'Lơm, xã Đ, huyện Lcủa ông B, bà T. Thửa đất trên giáp với thửa đất số 286 của ông H, bà H. Tháng 9/2009, ông H, bà H chôn trụ bê tông lấn cong sang đất của ông bà, sự việc này đã được Ban nhân dân thôn hòa giải, sau đó ông bà xây tường rào; tháng 02/2014, ông H, bà H phá cà phê, dùng máy múc múc đào đất sát tường rào của ông bà, khi trời mưa to làm đổ tường rào của ông bà; tháng 7/2015, ông bà xây lại tường rào thì ông H, bà H ngăn cản không cho xây và cho rằng ông bà lấn đất của ông H, bà H. Sự việc đã được Ủy ban nhân dân xã hòa giải nhưng không thành.

Nay ông bà khởi kiện yêu cầu ông H, bà H trả lại diện tích đất 15m^2 thuộc thửa đất số 285 tờ bản đồ số 350b (05), tọa lạc tại thôn R'Lơm, xã Đ, huyện L. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông bà có đơn khởi kiện bổ sung và thay đổi yêu cầu khởi kiện, theo đó ông bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông H, bà H phải công nhận ranh giới đất thuộc thửa đất số 285 của ông bà và thửa đất số 286 của ông H, bà H là cột bê tông đã đóng tại đầu đường 725, và đóng phía cuối vườn có khoảng cách phía tây giáp thửa đất số 285 giáp đường 725 là 15,5m; phía bắc giáp thửa đất số 286 chạy từ giáp đường 725 đến cuối vườn là 61m là ranh giới giữa thửa đất 285 và thửa đất 286, tờ bản đồ số 350b (05), tọa lạc tại thôn R'Lơm, xã Đ, huyện L.

Bị đơn ông Trần Văn H, bà Trương Thị H trình bày:

Năm 2002, ông bà có nhận chuyển nhượng diện tích đất 1.300m^2 thuộc thửa đất số 286 tờ bản đồ số 05 tọa lạc tại xã Đ, huyện Lcủa ông B, bà T.

Năm 2003, ông bà xây hàng rào móng xây đá chẻ, phần chân hàng rào xây gạch, có trụ bê tông và rào lưới B40 cao 1,5m. Trong lúc xây hàng rào thì ông B, bà T có chỉ mốc ranh giới (mốc ranh giới thời điểm năm 2003 là giữa hai hàng cà phê). Trong lúc xây dựng giữa hàng rào có một hố phân ra ngoài đường theo hướng Đông – Tây nên ông bà làm tránh để không làm ảnh hưởng hoặc phá bỏ hố phân. Trong lúc làm hàng rào cho đến năm 2008 thì ông bà và ông H, bà Tkhông

có tranh chấp hoặc bất cứ việc gì liên quan đến đất đai. Năm 2008, ông H, bà Tmua lại phần đất của ông B, bà T.

Theo yêu cầu của ông B, bà T thì ông bà đồng ý cho chỉnh lại hàng rào, đoạn chỉnh khoảng 10m, phần xây lại do Ông Htự tháo dỡ lưới B40 và trụ bê tông để xây lại. Sau khi ông H, bà Txây xong thì ông bà sử dụng lưới B40 rào tạm.

Năm 2015, ông H, bà Txây hàng rào đấu nối vào trụ bê tông nên ông bà không đồng ý. Ông bà thừa nhận ranh giới giữa thửa đất số 286 của ông bà và thửa đất số 285 của ông H, bà Tlà trụ bê tông từ đầu thửa đất giáp đường liên xã đến trụ bê tông cuối thửa đất, ông bà xác định ông bà không lấn chiếm đất của ông H, bà Tnên ông bà không đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh B, bà Phan Thị Kim T trình bày:

Ông bà đã chuyển nhượng các thửa đất số 285 và 286 cùng tờ bản đồ số 05 tọa lạc tại xã Đ, huyện Lnhư nguyên đơn và bị đơn trình bày. Năm 2010, hai bên có tranh chấp hàng ranh, đại diện ban thôn và an ninh thôn đã vào giải quyết và tất cả đã nhất trí ký tên vào biên bản. Năm 2016, nguyên đơn và bị đơn lại có sự tranh chấp về hàng ranh. Khi mua bán đất thì ông bà chỉ đo dây vào giữa hàng cà phê, nhưng nay đã qua 09 năm sau khi sang nhượng cho ông H, bà Tthì cà phê cả hai bên đã phá bỏ nên ông bà không xác định được ranh giới đoạn giữa lô đất, chỉ xác định được mốc đầu và mốc cuối lô đất là hai trụ bê tông, từ trụ bê tông giáp đường liên xã đến trụ bê tông cuối thửa đất như các bên đã trình bày. Ông bà đã chuyển nhượng các thửa đất nêu trên cho các bên đương sự và đã hoàn tất thủ tục chuyển nhượng theo quy định của pháp luật nên ông bà không có yêu cầu gì trong vụ án này.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2019/DS-ST ngày 31/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện Lđã xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Xuân H, bà Nguyễn Thị T. Xác định ranh giới thửa đất 285 và 286 cùng tờ bản đồ số 350b (05) tọa lạc tại xã Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng là một đường thẳng kéo dài tự vị trí cọc bê tông phần giáp đường liên xã Đ – Phi Tô (vị trí cách ranh giới thửa đất số 284 và 285 là 15,37m) đến vị trí cọc bê tông phần giáp ranh thửa đất 187 (vị trí cách ranh giới thửa đất số 284 và 285 là 19,8m (có họa đồ kèm theo). Các đương sự có trách nhiệm sử dụng đúng ranh giới đất được xác định.

Ngoài ra, quyết định của bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, về án phí, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các đương sự.

Ngày 31/5/2019, bị đơn ông Trần Văn H, bà Trương Thị H kháng cáo đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2019/DS-ST ngày 31/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện L. Ông H, bà H đề nghị bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và xét xử lại toàn bộ bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện L.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn ông Trần Văn H, bà Trương Thị H (do bà Diện là người đại diện theo ủy quyền) vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và đề

nghị chấp nhận kháng cáo. Về phía nguyên đơn ông H, bà T(do ông Lực là người đại diện theo ủy quyền) không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông H, bà H, đề nghị giải quyết như bản án sơ thẩm. Về phía người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông B, bà T không kháng cáo và vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, cụ thể: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa dân sự phúc thẩm; đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; hủy bản án dân sự sơ thẩm do Tòa án cấp sơ thẩm chưa xác minh thu thập đầy đủ chứng cứ, chưa đưa Ủy ban nhân dân huyện Lvào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để làm rõ về trình tự, thủ tục mà Ủy ban nhân dân huyện Lcấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, ông B, bà T vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn ông H, bà H:

[2.1] Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO765074 (bút lục số 02-03) thể hiện: Ngày 07/5/2009, ông Nguyễn Thanh B, bà Phan Thị Kim T được Ủy ban nhân dân huyện Lcấp diện tích đất 1.060m^2 thuộc thửa đất số 285, tờ bản đồ số 350b (05) tọa lạc tại xã Đ, huyện L, đã được đăng ký biến động sang tên ông Bùi Xuân H, bà Nguyễn Thị T vào ngày 23/7/2009.

[2.2] Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO765078 (bút lục số 04-05) thể hiện: Ngày 07/5/2009, ông Nguyễn Thanh B, bà Phan Thị Kim T được Ủy ban nhân dân huyện Lcấp diện tích đất 1.333m^2 thuộc thửa đất số 286, tờ bản đồ số 350b (05) tọa lạc tại xã Đ, huyện L, đã được đăng ký biến động sang tên ông Trần Văn H, Trương Thị H vào ngày 23/7/2009.

[3] Theo họa đồ đo đạc thửa đất theo hiện trạng sử dụng ngày 25/5/2017 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Lthì diện tích đất tranh chấp 9,2m^2 thuộc một phần thửa đất số 286 tờ bản đồ số 5, tại xã Đ, huyện L(bút lục số 50). Theo họa đồ đo đạc thửa đất theo hiện trạng sử dụng ngày 20/12/2017 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Lthì diện tích đất tranh chấp 23,1m^2 thuộc một phần thửa đất số 286 tờ bản đồ số 5, tại xã Đ, huyện L(bút lục số 79). Tuy nhiên, cũng theo họa đồ này thì diện tích đất tranh chấp 23,1m^2 lại thuộc

một phần thửa đất số 285 tờ bản đồ số 5, tại xã Đ, huyện L(bút lục số 156). Theo họa đồ đo đạc thửa đất theo hiện trạng sử dụng ngày 30/5/2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Lthì diện tích đất tranh chấp 17,8m^2 thuộc một phần thửa đất số 285, tờ bản đồ số 5, tại xã Đ, huyện L(bút lục số 187). Theo họa đồ đo đạc thửa đất theo hiện trạng sử dụng ngày 06/12/2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Lthì diện tích đất tranh chấp 18m^2 thuộc một phần thửa đất số 286, tờ bản đồ số 5, tại xã Đ, huyện L(bút lục số 247). Theo họa đồ đo đạc thửa đất theo hiện trạng sử dụng ngày 07/4/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Lthể hiện: Diện tích đất tranh chấp là 26m^2 thuộc một phần thửa đất số 286, tờ bản đồ số 350b (05), tại xã Đ, huyện L.

Như vậy, cùng một vị trí đất tranh chấp nhưng Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Llại xác định không thống nhất về số thửa của diện tích đất tranh chấp, lúc xác định diện tích đất tranh chấp thuộc thửa đất số 285, lúc xác định diện tích đất tranh chấp thuộc thửa đất số 286. Việc cơ quan có thẩm quyền xác định không thống nhất về thửa đất nên Tòa án không có căn cứ để giải quyết vụ án đúng quy định của pháp luật.

[4] Mặc dù, theo kết quả đo đạc thì diện tích đất tranh chấp không thống nhất về thửa đất nhưng các bên đương sự đều thống nhất mốc giới giữa hai thửa đất 285 và 286 được phân định là 2 trụ bê tông được ông H, bà H (đóng) xây cố định tại vị trí đầu giáp đường liên xã (đường 725) và vị trí cọc bê tông đóng cuối thửa đất. Các bên đương sự đều thừa nhận vị trí 2 trụ bê tông tại vị trí đầu đường 725 và cuối vườn giáp ranh của thửa đất 285 và 286 là một đường thẳng phù hợp với trích lục họa đồ thửa đất xin tách, hợp thửa đất của ông B, bà T (là chủ đất cũ) thể hiện ranh giới giữa hai thửa đất 285 và 286 là một đường thẳng (bút lục số 245); nhưng qua kiểm tra hiện trạng, xem xét thẩm định tại chỗ thì thấy rằng, vị trí đầu và cuối của hai trụ bê tông là một đường thẳng, còn phần giữa đất tại vị trí liền kề thửa đất 285 và 286 thì hàng rào tường gạch do ông H, bà Txây và được xây hình vòng cung và cong vào phần đất mà hiện nay ông H, bà Tđang quản lý, sử dụng thuộc thửa đất số 285.

[5] Bị đơn ông H, bà H cho rằng theo trích lục họa đồ thửa đất xin tách, hợp thửa đất của ông B, bà T thể hiện chiều ngang tiếp giáp đường lộ của thửa đất số 285 là 15,2m nhưng theo kết quả đo đạc lại là 15,4m; còn chiều ngang của thửa đất số 285 tiếp giáp thửa đất số 287 là 19,3m

nhưng theo kết quả đo đạc lại là 19,8m. Do đó, việc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Lxác định diện tích đất tranh chấp là 26m^2 thuộc một phần thửa đất số 286 là chưa xem xét cụ thể hiện trạng sử dụng đất giữa hai hộ liền kề, cũng như chưa đánh giá lời khai nhận của vợ chồng ông B, bà T (là chủ đất cũ) chuyển nhượng đất cho nguyên đơn và bị đơn tại hai thời điểm khác nhau và các biên bản hòa giải của chính quyền địa phương khi hai bên tranh chấp.

Bởi lẽ, việc giải quyết tranh chấp về đất đai phải căn cứ vào hiện trạng sử dụng đất thực tế của các bên đương sự và các bên đương sự cũng thừa nhận ranh giới thửa đất 285 và 286 được phân định bằng hai trụ bê tông đầu đường 725 và cuối vườn giáp ranh của thửa đất là ranh giới để phân định thửa đất 285 và 286; hơn nữa, các trụ bê tông này đều do bị đơn tự đóng từ khi nhận chuyển nhượng đất vào năm 2002, do đó Tòa án cần căn cứ vào hiện trạng sử dụng đất của các bên đương sự để giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật.

[6] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn ông H, bà H xác định hai trụ bê tông đầu và cuối thửa đất, trụ bê tông có 04 cạnh, mỗi cạnh là 10cm là do ông H, bà H đóng khi nhận chuyển nhượng đất của ông B, bà T vào năm 2002 để xác định ranh giới giữa hai thửa đất 285 và 286 tờ bản đồ số 350b (05), tại xã Đ, huyện L.

Do ông H, bà H nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông B, bà T vào năm 2002 và tại thời điểm nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất thì ông H, bà H đã tự đóng cọc để xác định ranh giới thửa đất 285 và 286; đến năm 2009, bị đơn ông H, bà H mới được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nên việc nguyên đơn yêu cầu xác định ranh giới để phân định thửa đất 285 và 286 là mép trụ bê tông nằm tiếp giáp thửa đất 285 tính từ trụ bê tông giáp đường 725 đến trụ bê tông cuối thửa đất làm ranh giới là có căn cứ.

[7] Do các họa đồ đo vẽ để xác định diện tích đất tranh chấp qua các lần đo đạc thì không thống nhất về diện tích đất tranh chấp. Trong khi đó, bị đơn ông H, bà H xác định trụ bê tông do bị đơn ông H, bà H tự đóng vào năm 2002 là mốc giới để xác định ranh giới của hai thửa đất 285 và 286. Theo các họa đồ của cơ quan nhà nước có thẩm quyền thì ranh giới hai thửa đất 285 và 286 là một đường thẳng nhưng họa đồ đo vẽ ngày 06/12/2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Llại xác định diện tích đất tranh chấp 18m^2 thuộc một phần thửa đất số 286. Do đó, có căn cứ xác định việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2009 cho bị đơn ông H, bà H là chưa phù hợp với diện tích đất mà ông H, bà H đang quản lý, sử dụng (ranh giới đất ông H, bà H thực tế quản lý, sử dụng liền kề với thửa đất 286 là một đường cong nhưng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà ông H, bà H được cấp thì ranh giới đất liền kề với thửa đất 286 là một đường thẳng).

[8] Vì vậy, để giải quyết vụ án đúng quy định của pháp luật thì Tòa án cấp sơ thẩm cần phải đưa Ủy ban nhân dân huyện Lvào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để làm rõ trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H, bà H cũng như cho ông H, bà Tcó đúng với hiện trạng thực tế mà các bên đang sử dụng đất hay không để làm căn cứ giải quyết vụ án là phù hợp.

[9] Từ những phân tích nêu trên, do Tòa án cấp sơ thẩm xác định thiếu người tham gia tố tụng và chưa xác minh thu thập đầy đủ tài liệu chứng cứ nên Tòa án cấp phúc thẩm không thể khắc phục được những thiếu sót của Tòa án cấp sơ thẩm. Do vậy, cần hủy bản án dân sự sơ thẩm, giao toàn bộ hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục chung là có căn cứ. Do hủy bản án sơ thẩm nên không xem xét đối với kháng cáo của bị đơn ông H, bà H.

[10] Về án phí phúc thẩm:

Do hủy bản án sơ thẩm nên bị đơn ông H, bà H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho ông H, bà H số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[11] Về án phí sơ thẩm:

Án phí dân sự sơ thẩm sẽ được xem xét khi giải quyết lại vụ án theo quy định của pháp luật.

[12] Về chi phí tố tụng khác (khai thác thông tin, xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản):

Tại giai đoạn sơ thẩm, ông H, bà Tđã nộp tạm ứng 5.093.700 đồng. Tại giai đoạn phúc thẩm, ông H, bà H đã nộp tạm ứng 5.266.000 đồng; Ông Hđã nộp tạm ứng 2.900.000 đồng. Tổng chi phí tống tụng khác mà các đương sự đã tạm nộp là 13.259.700 đồng, đã được quyết toán xong. Số tiền tạm ứng chi phí tố tụng khác mà đương sự đã tạm nộp sẽ được xem xét khi giải quyết lại vụ án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2019/DS-ST ngày 31/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện Lvề việc "*Tranh chấp quyền sử dụng đất*" giữa nguyên đơn ông ông Bùi Xuân H, bà Nguyễn Thị T; bị đơn ông Trần Văn H, bà Trương Thị H.

Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Lgiải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm:

Hoàn trả cho bị đơn ông Trần Văn H, bà Trương Thị H số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm mà ông H, bà H đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001232 ngày 04/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L.

Án phí dân sự sơ thẩm sẽ được xem xét khi giải quyết lại vụ án theo quy định của pháp luật.

3. Về chi phí tố tụng khác: Sẽ được xem xét khi giải quyết lại vụ án theo quy định của pháp luật.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Phòng KTNV&THA;
- TAND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- Các đương sự (05);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Bùi Hữu Nhân